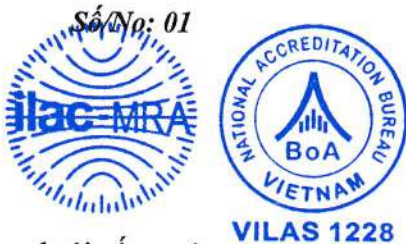


	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** Thôn 38, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Dũng - Địa chỉ: Khu dân cư tập trung Xuân Phương, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Thuần - Địa chỉ: Xóm 7, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 07/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 07/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,40	7,44	7,49	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,45	0,67	0,80	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clô dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,84	0,60	0,50	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,945	0,949	0,966	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,22	5,32	5,38	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	91,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,56	6,56	6,56	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	71,0	73,0	77,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** Tổ 3, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



VILAS 1228

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Dũng - Địa chỉ: Khu dân cư tập trung Xuân Phương, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Thuần - Địa chỉ: Xóm 7, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 07/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 07/10/2025 đến 09/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thắm



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Thôn Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của chi nhánh cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đặng Văn Chung - Địa chỉ: Thôn Sơn Đài, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đinh Văn Độ - Địa chỉ: Xóm Ngưỡng Nhân, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Nguyễn Ngọc Kim - Địa chỉ: Xóm Thanh Giáo, xã Giao Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 08/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 08/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,71	7,73	7,76	7,77	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,54	0,68	0,81	0,89	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,80	0,60	0,55	0,47	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B									
9	Nitrit (NO ₂ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,937	0,966	1,01	1,05	Đạt
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,11	5,18	5,25	5,35	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	95,0	95,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,56	6,56	6,93	6,93	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	70,0	72,0	76,0	79,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
2. Địa chỉ: TDP Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đặng Văn Chung - Địa chỉ: Thôn Sơn Đài, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đinh Văn Độ - Địa chỉ: Xóm Ngưỡng Nhân, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Nguyễn Ngọc Kim - Địa chỉ: Xóm Thanh Giáo, xã Giao Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 08/10/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 08/10/2025 đến 10/10/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.



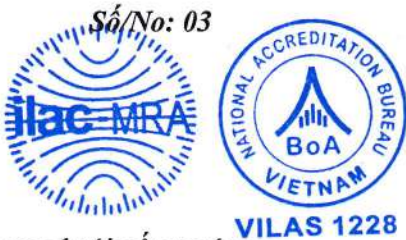
KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Thôn 27, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Tống Xuân Hùng - Địa chỉ: Thôn 31, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Đình Phan - Địa chỉ: Thôn 33, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 10/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 10/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,32	7,35	7,37	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,31	0,50	0,71	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,90	0,60	0,33	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,02	1,02	1,02	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,994	1,03	1,07	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,56	6,93	6,93	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	73,0	74,0	77,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- 1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Tân
- 2. Địa chỉ: xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- 3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Tổng Xuân Hùng - Địa chỉ: Thôn 31, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Đình Phan - Địa chỉ: Thôn 33, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- 5. Ngày lấy mẫu: 10/10/2025
- 6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
- 7. Thời gian thử nghiệm: 10/10/2025 đến 12/10/2025
- 8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- 3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- 4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Xuân Vỹ - Địa chỉ: Xóm Đại Thắng, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Ngọc Chính - Địa chỉ: Nghĩa Kế, xã Nam Trục, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 13/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 13/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,81	7,82	7,88	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,23	0,28	0,31	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,90	0,49	0,29	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,885	0,931	0,937	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	90,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,20	6,20	6,56	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	72,0	73,0	75,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

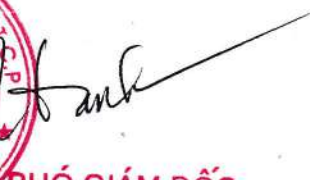
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa An

2. Địa chỉ: Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Xuân Vỹ - Địa chỉ: Xóm Đại Thắng, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Ngọc Chính - Địa chỉ: Nghĩa Kế, xã Nam Trục, tỉnh Ninh Bình

Số/No: 04



Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 13/10/2025

6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

7. Thời gian thử nghiệm: 13/10/2025 đến 15/10/2025

8. Kết quả thử nghiệm:
- | TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | QCVN 01-1:2024/ BYT | Phương pháp thử | Tại NM | Tại hộ KHSD số 1 | Tại hộ KHSD số 2 | Đánh giá |
|----|---------------------|-----------|---------------------|------------------|--------|------------------|------------------|----------|
| 1 | Coliform tổng số* | CFU/100ml | < 1 | TCVN 6187-1:2019 | KPH | KPH | KPH | Đạt |
| 2 | E.coli* | CFU/100ml | < 1 | TCVN 6187-1:2019 | KPH | KPH | KPH | Đạt |
| 3 | Tụ cầu vàng* | CFU/100ml | < 1 | SMEWW9213B:2023 | KPH | KPH | KPH | Đạt |
| 4 | Trực khuẩn mủ xanh* | CFU/100ml | < 1 | TCVN 8881:2011 | KPH | KPH | KPH | Đạt |
- Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025
- KIỂM NGHIỆM VIÊN
- KT. GIÁM ĐỐC
- 
- Trần Thị Thắm
- 
- 
PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas

4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.
- Trang 1/1

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Thôn Thị Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Văn Nhi - Địa chỉ: Thôn Phụng, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Thị Tuyền - Địa chỉ: thôn Xứ Trường, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 09/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 09/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,65	7,67	7,70	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,23	0,30	0,35	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,71	0,45	0,40	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,829	0,855	0,884	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	5,01	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	86,0	86,0	87,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,20	6,56	6,56	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	70,0	72,0	74,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nam Dương
2. Địa chỉ: Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Văn Nhi - Địa chỉ: Thôn Phụng, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Thị Tuyền - Địa chỉ: thôn Xứ Trưởng, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 09/10/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
7. Thời gian thử nghiệm: 09/10/2025 đến 11/10/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC


PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa Hưng
2. Địa chỉ: Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Xuân Quảng - Địa chỉ: Thôn Đoài Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phan Anh Tuấn - Địa chỉ: Thôn Nam Sơn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 09/10/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
7. Thời gian thử nghiệm: 09/10/2025 đến 29/10/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,91	7,94	7,96	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN.12402-1:2020	0,59	0,61	0,65	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,54	0,36	0,22	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,511	0,511	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,36	1,41	1,46	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,13	6,27	6,40	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	98,0	98,0	98,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,20	6,56	6,56	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	74,0	76,0	78,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị dưới với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Xuân Quảng - Địa chỉ: Thôn Đoài Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phan Anh Tuấn - Địa chỉ: Thôn Nam Sơn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 09/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 09/10/2025 đến 11/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỹ Nhất
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Luật - Địa chỉ: Thôn An Ninh Tây, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Trần Văn Thắng - Địa chỉ: Xóm 7, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 08/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 08/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,75	7,77	7,79	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,17	0,40	0,56	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,90	0,45	0,25	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,851	0,851	0,851	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,873	0,897	0,907	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,99	6,23	6,33	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,75	8,75	8,75	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	80,0	81,0	84,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỹ Nhất
- Địa chỉ:** TDP 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Luật - Địa chỉ: Thôn An Ninh Tây, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Văn Thắng - Địa chỉ: Xóm 7, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 08/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 08/10/2025 đến 10/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:

Trịnh Văn Chuồng - Địa chỉ: Thôn 2 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:

Bùi Kính Trọng - Địa chỉ: Xóm 17, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 02/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 02/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,17	7,23	7,27	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,21	0,24	0,25	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,74	0,74	0,50	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,28	1,30	1,34	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,91	7,05	7,11	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	120,0	120,0	120,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	16,4	16,4	16,8	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,267	0,270	0,274	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	171,0	173,0	175,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 694, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,0003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TDP 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trịnh Văn Chương - Địa chỉ: Thôn 2 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Bùi Kính Trọng - Địa chỉ: Xóm 17, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 02/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 02/10/2025 đến 06/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Nam - Địa chỉ: Xóm 2, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Phúc Nhạc - Địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 02/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 02/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	5,0	5,0	5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,26	7,31	7,35	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,14	0,18	0,23	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,69	0,55	0,51	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,20	1,22	1,26	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	98,0	99,0	99,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	30,6	30,6	30,6	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,278	0,284	0,288	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	179,0	182,0	185,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 694, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,0003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 1,0 mg/L; Sunfat: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Hải Toàn
2. Địa chỉ: xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Nam - Địa chỉ: Xóm 2, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Phúc Nhạc - Địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 02/10/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
7. Thời gian thử nghiệm: 02/10/2025 đến 06/10/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Thôn Trung Phú, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Hoàng Văn Tú - Địa chỉ: Xóm Đồng, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Văn Khôi - Địa chỉ: Xóm Phạm, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:**
 - Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).
- Ngày lấy mẫu:** 08/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 08/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,53	7,57	7,60	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,11	0,39	0,56	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,72	0,68	0,60	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,11	1,16	1,20	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	92,0	92,0	92,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,20	6,20	6,20	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	70,0	72,0	75,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- 1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Liên Bảo
- 2. Địa chỉ: thôn Trung Phu, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- 3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Hoàng Văn Tú - Địa chỉ: Xóm Đồng, xã Hiên Khánh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Văn Khôi - Địa chỉ: Xóm Phạm, xã Hiên Khánh, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.
- 5. Ngày lấy mẫu: 08/10/2025
 - 6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thúy Nga
 - 7. Thời gian thử nghiệm: 08/10/2025 đến 10/10/2025
 - 8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- 3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- 4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định:

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đặng Kim Bắc - Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Thị Chì - Địa chỉ: Thôn Thọ, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 10/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 10/10/2025 đến 29/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,41	7,46	7,48	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,11	0,15	0,48	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,81	0,52	0,24	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,994	1,03	1,08	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	89,0	Đạt
13	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,20	6,20	6,56	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	69,0	72,0	74,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Số/No: 11
- 
1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Mỹ Lộc

2. Địa chỉ: thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đặng Kim Bắc - Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Thị Chì - Địa chỉ: Thôn Thọ, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 10/10/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thúy Nga
7. Thời gian thử nghiệm: 10/10/2025 đến 12/10/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn - vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thẩm

KT. GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Lộc

2. Địa chỉ: Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Thị Mỡ - Địa chỉ: Xóm Lò Ngói, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Văn Thụ - Địa chỉ: Xóm May, xã Vũ Dương, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 10/10/2025

6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

7. Thời gian thử nghiệm: 10/10/2025 đến 29/10/2025

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,95	7,98	8,01	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,17	0,29	0,37	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,82	0,41	0,27	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,511	0,511	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,997	1,03	1,07	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,49	5,59	5,69	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	102,0	102,0	102,0	Đạt
13	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,56	6,56	6,56	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	72,0	74,0	76,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn, Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPUocSachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** thôn Đông Tiễn Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Thị Mỡ - Địa chỉ: Xóm Lò Ngói, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Văn Thụ - Địa chỉ: Xóm May, xã Vũ Dương, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 10/10/2025 đến 12/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

1. **Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Quang

2. **Địa chỉ:** Thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Mạnh Thuyết - Địa chỉ: Thôn Ngõ Xã 2, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Thị Mận - Địa chỉ: Thôn Đô Quan, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 10/10/2025

6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang

7. **Thời gian thử nghiệm:** 10/10/2025 đến 29/10/2025

8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	8,05	8,06	8,10	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,15	0,20	0,26	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,76	0,62	0,57	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,36	1,36	1,36	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,55	1,61	1,69	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	9,32	9,45	9,62	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	96,0	96,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	15,3	15,3	15,7	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	74,0	77,0	78,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Mạnh Thuyết - Địa chỉ: Thôn Ngô Xã 2, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Thị Mận - Địa chỉ: Thôn Đô Quan, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 10/10/2025 đến 12/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
2. **Địa chỉ:** Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: Thôn Hoà Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Duy Ba - Địa chỉ: Thôn Đồng Xuyên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 10/10/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 10/10/2025 đến 29/10/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,67	7,68	7,69	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,50	0,53	0,57	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clò dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,56	0,33	0,28	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,910	0,933	0,957	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	101,0	101,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,20	6,56	6,56	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	80,0	82,0	85,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- 1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Đại Thắng
- 2. Địa chỉ: thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- 3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: Thôn Hoà Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Duy Ba - Địa chỉ: Thôn Đồng Xuyên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- 5. Ngày lấy mẫu: 10/10/2025
- 6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
- 7. Thời gian thử nghiệm: 10/10/2025 đến 12/10/2025
- 8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- 3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- 4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.